

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**PHẦN A. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2024****I. Thực hiện nhiệm vụ quản trị và điều hành của HĐQT và Ban TGD**

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVI, Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2024 và tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT
- Công tác quản trị doanh nghiệp: PVI liên tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trong đó: Xây dựng và điều chỉnh hệ thống các quy trình quy chế hoạt động, quản lý, quản trị một cách đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị rủi ro; Tăng cường giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ máy điều hành; Chú trọng chỉ đạo và triển khai công tác kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên tại các công ty con.
- Công tác kiểm toán nội bộ: Ban KTNB đã bám sát và hoàn thành kế hoạch hoạt động đã được HĐQT phê duyệt. Sau mỗi cuộc kiểm toán, KTNB đều có kiến nghị để các đơn vị hoàn thiện quy định nội bộ, công tác tuân thủ, cơ chế kinh doanh và tài chính kế toán. KTNB đã xây dựng cơ chế giám sát các đơn vị thực hiện các kiến nghị tại các biên bản kiểm toán.

Ban KTNB đã thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định. Ngoài các hoạt động kiểm tra nói trên, trong năm 2024, Ban KTNB đã tham mưu cho HĐQT sửa đổi bổ sung, trình Quy trình Kiểm toán nội bộ phù hợp với tình hình quản trị tại PVI; đã thực hiện rà soát và đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản Quy chế, Quy định của HĐQT.

- Công tác giám sát với vai trò người đại diện giám sát tại các công ty con: thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và cử người đại diện của PVI phụ trách công tác Kiểm toán nội bộ tại các công ty con gồm Bảo hiểm PVI và Tái bảo hiểm Hà Nội để tuân thủ và thực hiện theo quy định của Luật KDBH.
- Công tác pháp chế, tuân thủ và quản trị rủi ro: PVI đã triển khai và liên tục cập nhật Hệ thống Quản trị rủi ro doanh nghiệp và Kiểm soát tuân thủ tại PVI (ERM) để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp. PVI đã áp dụng các kết quả của dự án vào hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Trong năm 2024, PVI đã ban hành và áp dụng các quy chế, quy định về tuân thủ và quản trị rủi ro tại PVI và các công ty con bao gồm: Khẩu vị rủi ro, Quy chế Quản lý dữ liệu... Ngoài ra đối với các rủi ro cụ thể, công ty cũng đã triển khai bổ sung các biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện và ứng phó rủi ro.

Sau khi hoàn thành và áp dụng Dự án Quản trị rủi ro, PVI đã đáp ứng toàn bộ các yêu cầu mới về quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động quản trị rủi ro của Luật kinh doanh Bảo hiểm được áp dụng từ 01/01/2023 và tuân thủ các văn bản hướng dẫn ban hành theo đó. PVI đã bắt đầu áp dụng các mô hình tính vốn dựa trên rủi ro theo thông lệ Châu Âu cũng như các công cụ, mô hình đo lường rủi ro vào hoạt động quản trị rủi ro của Công ty.

Song song với đó, việc thực hiện chức năng Pháp chế và Tuân thủ cũng được đẩy mạnh và nâng cao. Việc áp dụng các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ được đẩy mạnh, tăng cường kiểm soát của bộ phận tuân thủ, pháp chế trong các giao dịch hàng ngày ...đã góp phần nâng cao văn hóa tuân thủ, tính minh bạch và đảm bảo hoạt động kinh doanh của PVI đúng quy định của Pháp luật.

- Hoạt động CNTT liên tục được đổi mới. Trong năm 2024 PVI đã triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản trị, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của hệ thống và đáp ứng xu thế phát triển.

II. Kết quả thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của PVI đã phản ánh đầy đủ, chính xác các mặt hoạt động và kết quả kinh doanh trong năm 2024.
- PVI đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2024.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	17.398	21.824	125%
II	Lợi nhuận trước thuế	1.080	1.118	104%
III	Lợi nhuận sau thuế	863	880	102%
IV	Nộp ngân sách NN	1.007	1.389	138%

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 của PVI đạt **21.824 tỷ đồng**, hoàn thành **125%** kế hoạch năm 2024, trong đó: Doanh thu hoạt động bảo hiểm: **20.178 tỷ đồng**, hoàn thành **125%** KH. Doanh thu hoạt động tài chính, cho thuê VP và khác: **1.647 tỷ đồng**, hoàn thành **126%** KH năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: **1.118 tỷ đồng**, hoàn thành **104%** kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt: **880 tỷ đồng**, hoàn thành **102%** kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước đạt **1.389 tỷ đồng**, hoàn thành **138%** kế hoạch.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	1.136	1.103	97%
II	Lợi nhuận trước thuế	765	771	101%
III	Lợi nhuận sau thuế	749	749	100%
IV	Nộp ngân sách NN	28	76	271%
V	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	28,5%	31,5%	111%

- Tổng doanh thu đạt **1.103 tỷ đồng**, hoàn thành **97%** kế hoạch năm 2024;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **771 tỷ đồng**, hoàn thành **101%** kế hoạch năm 2024;
- Lợi nhuận sau thuế đạt **749 tỷ đồng**, hoàn thành **100%** kế hoạch năm 2024;

Năm 2024, PVI hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận phần lớn là từ hoạt động đầu tư tài chính. Với kết quả này, HĐQT PVI trình ĐHĐCĐ tỷ lệ chi trả cổ tức là 31,5% cho năm 2024, cao hơn tỷ lệ 28,5% được ĐHĐCĐ giao.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đánh giá PVI đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

BKS xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất của PVI được lập tại ngày 31/12/2024 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVI cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần và được công bố theo đúng quy định.

1. Đối với BCTC Công ty mẹ:

1.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN				NGUỒN VỐN			
Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)
A. Tài sản NH	607,263	263,586	43%	A. Nợ phải trả	338,865	551,163	163%
1. Tiền và TĐ tiền	236,596	35,875	15%	1. Nợ ngắn hạn	123,997	343,063	277%
2. Đầu tư TCNH	140,000	90,878	65%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	36,698	35,669	97%
3. Phải thu ngắn hạn	205,255	117,501	57%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	8,325	20,143	242%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(160)	(372)	233%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	18,373	18,780	102%
5. Hàng tồn kho	320	618	193%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	14,872	12,904	87%
6. TS NH khác	25,092	18,713	75%	2. Nợ dài hạn	214,867	208,100	97%
B. Tài sản dài hạn	6,906,987	7,453,343	108%	3. Vay ngắn hạn	-	200,000	
1. Tài sản cố định	103,090	98,376	95%	B. Vốn CSH	7,175,386	7,165,766	100%
2. BĐS Đầu tư	904,230	869,121		1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2,342,419	2,342,419	100%
3. Đầu tư tài chính DH	5,860,526	6,459,105	110%	2. Thặng dư vốn cổ phần	3,716,659	3,716,659	100%
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(37,990)	(39,411)	104%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179,212	179,212	100%
5. Phải thu dài hạn	10	10	100%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	937,096	927,476	99%
6. Tài sản dài hạn khác	39,131	26,731	68%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	172,763	178,350	103%
Tổng tài sản	7,514,250	7,716,929	103%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	764,333	749,126	98%
				Tổng nguồn vốn	7,514,250	7,716,929	103%

- Tại ngày 31/12/2024, Tổng tài sản công ty mẹ là 7.717 tỷ đồng, tăng 203 tỷ đồng (3%) so với thời điểm 31/12/2023. Trong năm 2024, trên BCTC có sự dịch chuyển từ TSNH sang TSDH do tăng vốn góp cho Bảo hiểm PVI.
- Cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 0,77 lần do trong năm PVI phát sinh khoản vay ngắn hạn hỗ trợ quản trị vốn đầu tư của Công ty mẹ trên cơ sở cân đối dòng tiền và vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt khoản vay. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,08 lần.

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,05	0,07
2	Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,05	0,08
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	3,04	0,37
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	4,90	0,77
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	22,17	14
6	ROE (%)	10,7%	10,1%
7	ROA (%)	10,1%	9,8%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	68%	68%

- Các chỉ số về nợ phải trả cao hơn so với cuối năm 2023, do PVI phát sinh khoản vay ngắn hạn, tuy nhiên chỉ số này vẫn ở tỷ lệ rất thấp
- Khả năng thanh toán tổng quát (tổng tài sản/nợ phải trả) của công ty giảm mạnh (63%) so với năm 2023 do công ty thực hiện khoản vay ngắn hạn để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của hệ thống cho thấy công ty đảm bảo sự ổn định về hoạt động và tình hình tài chính an toàn. Với các chỉ số này công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ở mức cao.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) giữ vững ở mức 68% dù hệ thống bị ảnh hưởng bởi bão Yagi, và sự sụt giảm của lãi suất
- Các chỉ số ROE và ROA có giảm nhẹ so với năm 2023 chủ yếu do giảm lợi nhuận nhận được từ công ty con chịu ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi trong năm.

1.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong năm 2024, HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-PVI ngày 24/01/2024 về việc sửa đổi Phụ lục Quy chế Đầu tư, Nghị quyết số 92/NQ-PVI ngày 19/09/2024 về phân cấp cho UB Đầu tư; Nghị quyết số 124/NQ-PVI ngày 26/12/2024 ban hành Quy chế Đầu tư. Các Quyết định của UB Đầu tư về việc phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đủ điều kiện thực hiện đầu tư tiền gửi năm 2024-2025, phê duyệt danh sách các công ty chứng khoán giao dịch với PVI, ban hành tiêu chí đầu tư, hạn mức đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả công tác đầu tư và quản lý dòng tiền trước các diễn biến bất lợi của thị trường.
- Trong năm công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Các khoản đầu tư tài chính đã tuân thủ theo đúng các quy định tại Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Đầu tư thể hiện ở việc đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng nằm trong danh sách được phê duyệt, tuân thủ các quy định về hạn mức, tỷ lệ phân bổ giữa các nhóm Ngân hàng...

- Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tại ngày 31/12/2024, số dư đầu tư tài chính dài hạn tăng xấp xỉ 600 tỷ đồng chủ yếu do góp vốn bổ sung vào công ty con (Bảo hiểm PVI).

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Tiền	236.596	35.875	(200.720)	(85%)
2. Các khoản tương đương tiền	35.914	35.875	(38)	0%
3. Đầu tư tài chính ngắn hạn	200.682	-	(200.682)	(100%)
4. Đầu tư tài chính dài hạn	5.860.526	6.459.105	598.579	10%

b. Quản lý công nợ phải thu:

- Nợ phải thu tại 31/12/2024 là 117 tỷ đồng giảm 88 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu do giảm phải thu lợi nhuận chuyển về tư công ty con.
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi chỉ là 372 triệu đồng chủ yếu liên quan đến phải thu cho thuê văn phòng. Trong kỳ, công ty đã quản lý tốt các khoản công nợ phải thu.

c. Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:

Hội đồng kiểm kê tài sản của PVI được thành lập theo QĐ số 204/QĐ-PVI ngày 16/12/2024 đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của PVI khi phát sinh các tình huống trong việc kiểm kê tài sản công cụ dụng cụ tại ngày 31/12/2024.

d. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

Trong năm, PVI đã tuân thủ và thực hiện đúng Quy định Quản lý tài sản theo Quyết định số 128/QĐ-PVI ngày 10/08/2021 của TGD về việc quản lý sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ của PVI.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ
I. Tài sản cố định	103.090	98.376	(4.714)	(5%)
1. Tài sản cố định hữu hình	102.317	90.861	(11.457)	(11%)
<i>Nguyên giá</i>	282.598	262.241	(20.357)	(7%)
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(180.281)	(171.380)	8.900	(5%)
2. Tài sản cố định vô hình	773	7.516	6.742	872%
<i>Nguyên giá</i>	8.468	17.597	9.129	108%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(7.695)	(10.082)	(2.387)	31%
II. Bất động sản đầu tư	904.230	869.121	(35.109)	(4%)
<i>Nguyên giá</i>	1.252.882	1.252.882	-	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(348.652)	(383.761)	(35.109)	10%

- BCTC riêng phản ánh Tài sản cố định giảm 5% và Bất động sản đầu tư giảm nhẹ so với đầu kỳ tương ứng với giá trị trích khấu hao trong kỳ. Trong kỳ, công ty thực hiện mua sắm tài sản cố định hữu hình (phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng) và tài sản cố định vô hình (hoạt động công nghệ thông tin), đồng thời thực hiện thanh lý một số tài sản là thiết bị văn phòng đã hết khấu hao, hỏng không sửa chữa được và không còn sử dụng theo đúng quy định về quản lý tài sản và công cụ dụng cụ của PVI.
- Trong năm 2024, hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Trung tâm Quản lý và Kinh doanh dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, chuyên môn hóa để tối ưu công tác kinh

doanh văn phòng, quản lý tài sản cố định, cơ sở hạ tầng một cách chuyên nghiệp, đồng bộ với toàn hệ thống.

e. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Không có

f. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị góp vốn	% năm giữ	Dự phòng đã trích	Cổ tức trả Cty Mẹ trong kỳ	Kết quả hoạt động SXKD	
					Tổng doanh thu / Thu nhập đã thực hiện	LNST/ LN ròng đã thực hiện
I. Công ty con	6.455					
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	3.900	100%		524	20.405	599
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	1.161	81,09%		135	3.017	191
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	47	61.96%		5	57	6
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	827	41,36%		68	181	158
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	520	34,67%		43	142	125
II. Các khoản đầu tư khác	43,5					
Đầu tư vào đơn vị khác (PVR)	43,5		(39)			

Tính đến thời điểm báo cáo PVI đang tham gia đầu tư vào 6 Công ty/ Quỹ đầu tư với tổng giá trị góp vốn thực tế là 6.499 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư vào 5 Công ty/Quỹ đầu tư:

- + Tổng công ty Bảo hiểm PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 100% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu đạt 20.405 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 599 tỷ đồng.
- + Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội với tỷ lệ tham gia góp vốn 81,09% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu 3.017 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 191 tỷ đồng.
- + Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 61.96% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu đạt 57 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 6 tỷ đồng.
- + Quỹ đầu tư cơ hội PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 41,36% vốn điều lệ, lợi nhuận đã thực hiện là 181 tỷ đồng.
- + Quỹ đầu tư hạ tầng PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 34,67% vốn điều lệ, lợi nhuận đã thực hiện là 142 tỷ đồng.

- Đầu tư dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (PVR) với tổng mức đầu tư là 43,5 tỷ đồng.

g. Quản lý công nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại 31/12/2024 là 551 tỷ đồng, tăng 212 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do phát sinh số dư vay ngắn hạn 200 tỷ đồng. Phải trả người bán chủ yếu liên quan đến các hợp đồng mua sắm, trang bị hệ thống công nghệ thông tin.
- Hệ số nợ phải trả/VCSH là 0,08 lần, tăng so với đầu kỳ (0,05 lần) cũng do nguyên nhân phân tích nêu trên.

h. Xử lý nợ xấu:

PVI vẫn đang tích cực đẩy mạnh việc thu hồi các khoản đầu tư cũ.

Đối với khoản đầu tư Trái phiếu Sông Đà Thăng Long: HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-PVI ngày 17/03/2023 để giao Người đại diện PVI tại HĐQT Bảo hiểm PVI xử lý thu hồi khoản đầu tư và báo cáo PVI về kết quả thực hiện.

i. Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác: không có

j. Trích lập dự phòng:

- Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng theo quy định của Bộ tài chính và Quy chế Quản lý tài chính của công ty.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 37 tỷ đồng giữ nguyên so với đầu kỳ.
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 39 tỷ đồng tăng 1,4 tỷ đồng so với đầu kỳ do tại thời điểm lập BCTC, giá thị trường của mã chứng khoán PVR biến động giảm.
- Dự phòng phải thu khó đòi 372 triệu đồng, tăng 212 triệu đồng so với đầu kỳ do tăng trích lập dự phòng phải thu các khách hàng cho thuê văn phòng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2023	Chênh lệch		Tỷ lệ /vốn CSH
			Số tiền	Tỷ lệ	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	(0,52%)
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(39.411)	(37.990)	(1.421)	4%	(0,55%)
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(372)	(160)	(212)	133%	(0,01%)
4. Dự phòng phải trả dài hạn	72	72	-	0%	0,00%

k. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp/phải thu	Số đã thực nộp/ bù trừ	Số phải thu	Số phải nộp

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.284	-	26.999	26.811	3.095	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484	15.856	22.057	21.957	1.484	15.956
Thuế, phí phải nộp khác	-	2.517	27.391	27.084	-	2.824
Cộng	4.768	18.373	76.447	75.852	4.580	18.780

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, không tồn tại các khoản nợ đọng nào. Năm 2024 số đã nộp NSNN là 76 tỷ đồng, đạt 271% so với kế hoạch năm (28 tỷ đồng).

I. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

- Thực hiện Nghị quyết 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2024, Công ty thực hiện trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 1,2% lợi nhuận sau thuế được phân phối tương đương 9,1 tỷ đồng.
- Trong năm 2024, Công ty không thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2024 là 179 tỷ đồng, không thay đổi so với đầu kỳ. Toàn bộ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối đã được sử dụng để đầu tư vào các công ty con và các tài sản khác nhằm mục đích sinh lợi.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 1/1/2023	2.342	3.717	179	911	7.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	764	764
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(35)	(35)
Chia cổ tức	-	-	-	(703)	(703)
Số dư tại 1/1/2024	2.342	3.717	179	937	7.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	749	749
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9)	(9)
Chia cổ tức	-	-	-	(750)	(750)
Số dư tại 31/12/2024	2.342	3.717	179	927	7.166

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	300.726	314.103	13.377	4,4%
2. Giá vốn hàng bán	192.525	197.905	5.380	2,8%
3. Lợi nhuận gộp	108.201	116.197	7.997	7,4%
4. Doanh thu tài chính	823.056	787.013	(36.043)	(4,4%)
5. Chi phí tài chính	5.250	13.140	7.890	150%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	139.565	119.976	(19.588)	(14,0%)

Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
8. Thu nhập khác	2.067	1.622	(445)	(21,5%)
9. Chi phí khác	18	533	515	2.934,5%
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	788.492	771.183	(17.309)	(2,2%)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.159	22.057	(2.102)	(8,7%)
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	764.333	749.126	(15.207)	(2,0%)

- Tổng doanh thu năm 2024 đạt 1.103 tỷ đồng bằng 98% so với cùng kỳ năm 2023 đạt 97% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 749 tỷ đồng, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 100% kế hoạch năm.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

2.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)
A. Tài sản NH	21.466.481	26.187.880	122%	A. Nợ phải trả	18.843.303	23.584.029	125%
1. Tiền và TĐ tiền	877.163	388.793	44%	1. Nợ ngắn hạn	18.697.769	23.476.490	126%
2. Đầu tư TCNH	7.875.937	9.959.114	126%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	29.889	30.709	103%
3. Phải thu ngắn hạn	12.037.832	15.019.146	125%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	3.185.879	4.060.145	127%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(231.115)	(218.522)	95%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	210.971	163.378	77%
5. Hàng tồn kho	1.479	3.009	204%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	85.993	111.115	129%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho				1.5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.228.147	17.802.880	125%
				2. Nợ dài hạn	145.534	107.539	74%
7. TS NH khác	674.070	817.819	121%	2.1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	107.376	70.231	65%
B. Tài sản Dài hạn	5.476.198	5.578.984	102%	B. Vốn Chủ SH	8.099.376	8.182.835	101%
1. Tài sản cố định	354.107	329.695	93%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS đầu tư	784.831	753.684	96%	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.716.659	3.716.659	100%
3. Đầu tư tài chính DH	4.205.104	4.370.665	104%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179.212	179.212	100%
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(40.289)	(42.234)	105%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	1.173.633	1.188.692	101%

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2023	31/12/2024	So sánh (%)
5. Phải thu dài hạn	31.517	35.271	112%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	256.066	383.349	150%
6. Tài sản dài hạn khác	100.638	89.466	89%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	917.566	805.343	88%
				5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	330.287	359.350	109%
Tổng tài sản	26.942.679	31.766.864	118%	Tổng nguồn vốn	26.942.679	31.766.864	118%

- Tại ngày 31/12/2024, Tổng tài sản hợp nhất là 31.767 tỷ đồng, tăng 4.824 tỷ đồng (18%) so với thời điểm 31/12/2023, chủ yếu do tăng các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn và Phải thu ngắn hạn. Trong năm hệ thống cơ cấu lại danh mục đầu tư, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, quản lý tốt và tối ưu dòng tiền cũng như thực hiện các hợp đồng tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi và các giao dịch trái phiếu hiệu quả trong thời gian hợp lý.
- Cơ cấu Tài sản Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 1,12 lần.

c. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,70	0,74
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,33	2,88
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,46	0,44
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,15	1,11
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,43	1,35
6	ROE (%)	12,6%	10,8%
7	ROA (%)	3,8%	3,0%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu thuần (%)	12,4%	9,6%

- Các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn. Các chỉ số tài chính của đơn vị biến động nhẹ theo hướng phát triển bền vững: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát đều giảm nhẹ thể hiện công ty đã quản lý tốt dòng tiền để đối phó trước những diễn biến bất thường của thị trường.
- Khả năng sinh lời của công ty tốt thể hiện ở tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu đạt 9,6%, trong khi lãi suất tiền gửi thấp, lãi suất thị trường vốn tăng cao, nhiều biến động, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn (thị trường trái phiếu, bất động sản có nhiều biến động lớn).

2.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong kỳ, công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm so với đầu kỳ, do đẩy mạnh việc đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu.
- Các khoản Đầu tư tài chính (bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn) theo giá gốc tăng 2.251 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư nắm giữ ngắn hạn 2.766 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 24%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	877.163	388.793	(488.370)	(56%)
1. Tiền	351.481	316.238	(35.243)	(10%)
2. Các khoản tương đương tiền	525.682	72.555	(453.127)	(86%)
II. Đầu tư tài chính	12.093.876	14.359.461	2.265.585	19%
1. Chứng khoán kinh doanh	783.708	283.029	(500.679)	(64%)
2. Đầu tư nắm giữ ngắn hạn đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	7.129.315	9.713.170	2.583.855	36%
3. Đầu tư nắm giữ dài hạn đến ngày đáo hạn (dài hạn)	4.180.854	4.363.262	182.409	4%

b. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Nợ ngắn hạn	18.697.769	23.476.490	4.778.721	26%
II. Nợ dài hạn	145.534	107.539	(37.995)	(26%)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.037.832	15.019.146	2.981.314	25%
IV. Các khoản phải thu dài hạn	31.517	35.271	3.754	12%

- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2024 theo BCTC hợp nhất là hơn 23.584 tỷ đồng tăng 25% so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 23.477 tỷ đồng chiếm 99,5%
- Nợ phải thu tại 31/12/2024 là 15.054 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn 15.019 tỷ đồng
- Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh Bảo hiểm và Tái bảo hiểm, công nợ phải thu – phải trả sẽ được thanh toán theo hình thức đối trừ, nên về tổng thể, công nợ của PVI tại BCTC hợp nhất chủ yếu là công nợ phải trả các đối tác, khách hàng.

c. Quản lý tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư):

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I Tài sản cố định	354.107	329.695	(24.413)	(7%)
1. Tài sản cố định hữu hình	284.792	271.395	(13.397)	(5%)
Nguyên giá	637.496	627.665	(9.831)	(2%)
Giá trị hao mòn lũy kế	(352.705)	(356.271)	(3.566)	1%

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
2. Tài sản cố định vô hình	69.315	58.300	(11.015)	(16%)
<i>Nguyên giá</i>	216.979	226.488	9.509	4%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(147.664)	(168.188)	(20.524)	14%
II. Bất động sản đầu tư	784.831	753.684	(31.147)	(4%)
<i>Nguyên giá</i>	1.105.607	1.105.607	-	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(320.776)	(351.923)	(31.147)	10%

- BCTC hợp nhất phản ánh Tài sản cố định giảm 24,4 tỷ đồng chủ yếu do hao mòn. Bất động sản đầu tư giảm 31,5 tỷ đồng so với đầu kỳ tương ứng với việc ghi nhận hao mòn lũy kế của các tòa nhà.

d. Các khoản trích lập dự phòng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch		Tỷ lệ/vốn Điều lệ
			Giá trị	%	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	0%
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(231.115)	(218.522)	12.593	(5%)	1%
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(40.289)	(42.234)	(1.945)	5%	0%
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.228.147	17.802.880	3.574.733	25%	153%
5. Dự phòng phải trả dài hạn	1.377	1.211	(166)	(12%)	0%

Dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 3.575 tỷ đồng so với đầu kỳ chủ yếu do tăng dự phòng phí chưa được hưởng trích theo quy định của Bộ Tài chính và tăng dự phòng bồi thường do trong năm phát sinh các tổn thất liên quan đến bão Yagi.

e. Tình hình nộp ngân sách nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	3.284	102.291	917.399	948.101	3.095	71.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484	90.229	240.585	265.423	1.484	65.391
Thuế, phí phải nộp khác	-	18.450	231.289	223.362	208	26.586
Cộng	4.768	210.971	1.389.273	1.436.886	4.788	163.378

Trong năm 2024, số phát sinh đã nộp NSNN hợp nhất là 1.389 tỷ đồng, đạt 138% so với kế hoạch (1.007 tỷ đồng) và đạt 131% so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ PVI không phát sinh các khoản nợ đọng về Thuế.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	14.661.052	20.376.219	5.715.167	39%
2. Doanh thu thuần bán hàng	6.709.340	7.738.257	1.028.917	15%
3. Giá vốn hàng bán	5.670.585	6.785.015	1.114.431	20%
4. Lợi nhuận gộp	1.038.755	953.242	(85.514)	(8%)
5. Doanh thu tài chính	1.329.507	1.320.878	(8.629)	(1%)
6. Chi phí tài chính	396.628	446.340	49.712	13%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	727.852	713.547	(14.305)	(2%)
8. Thu nhập khác	92.815	127.222	34.407	37%
9. Chi phí khác	90.187	123.890	33.703	37%
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.246.410	1.117.565	(128.845)	(10%)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	242.194	240.585	(1.609)	(1%)
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.285)	(2.662)	(377)	17%
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.006.501	879.642	(126.859)	(13%)

- Trong năm 2024, tổng doanh thu hợp nhất đạt 21.824 tỷ đồng, trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 20.376 tỷ đồng (chiếm 93,4% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.321 tỷ đồng (chiếm 6,1% tổng doanh thu), doanh thu khác là 127 tỷ đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2024 là 20.706 tỷ đồng, trong đó: các khoản giảm trừ doanh thu 12.638 tỷ đồng (bao gồm dự phòng phí và phí nhượng tái), giá vốn hàng bán là 6.785 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 713,5 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính là 446,3 tỷ đồng và chi khác 124 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất đạt 1.118 tỷ đồng, giảm 128 tỷ đồng (xấp xỉ 10%) so với năm trước. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 880 tỷ đồng, giảm 127 tỷ đồng (13%) so với năm trước.

IV. Thẩm định Báo cáo hoạt động của HĐQT

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2024.
- HĐQT đã tổ chức thành công buổi họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 21/03/2024 và ĐHCĐ bất thường vào ngày 16/08/2024, tiến hành 04 phiên họp HĐQT vào các ngày 20/03/2024, 07/06/2024, 11/09/2024, 26/11/2024. Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 125 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 19 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT và 11 lần xin ý kiến các thành viên UB giúp việc HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo Ban điều hành PVI hoàn thành KHKD năm 2024 về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, triển khai tốt các hoạt động về tái cấu trúc, quản trị công ty và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương

hiệu, khẳng định uy tín của PVI trên thị trường đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống.

- Trong năm 2024, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã phát huy vai trò và tăng cường hiệu quả hoạt động. Các Ủy ban đã họp định kỳ hàng quý trước các cuộc họp HĐQT để thực hiện tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các nội dung: xây dựng, hoàn thiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế/ Quy định nội bộ; rà soát hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua các Quỹ; kiện toàn nhân sự cấp cao... giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI.
- HĐQT PVI đã chỉ đạo hoàn thiện mô hình quản trị, rà soát các quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, theo đó HĐQT đã ban hành các Nghị quyết số 101-108/NQ-PVI ngày 19/11/2024 về sửa đổi bổ sung các Quy chế tổ chức và hoạt động của TT KDDV/CNTT, Quy chế Quản trị rủi ro, Quy chế Tuân thủ, Quy chế trả lương thưởng, Quy chế Quản lý nhân sự, Quy chế Quản trị Chiến lược kế hoạch, Quy chế Quản lý tài chính để sửa đổi, cập nhật phù hợp với hoạt động kinh doanh thường xuyên của hệ thống.

V. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với cổ đông, HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp tốt với Cổ đông, HĐQT và Ban Điều hành. BKS và các thành viên HĐQT là đại diện cho các cổ đông PVN, HDI/FLL và IFC thường xuyên trao đổi thông tin để có được sự phối hợp tốt, đồng thuận giữa các cổ đông lớn đối với những dự án, chiến lược, chủ trương mang tính quyết định nhằm mang lại những lợi ích tối đa cho PVI.
- Ban BKS đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Điều hành. Ban Điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của BKS.
- Đại diện HĐQT, Ban Điều hành và những cán bộ quản lý khác đã tham gia đầy đủ các cuộc họp BKS, trao đổi, thảo luận cùng các thành viên BKS để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp đóng góp cho công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh.

VI. Báo cáo về công tác giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan:

1. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá các giao dịch của người có liên quan:

Thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc đánh giá các giao dịch của người có liên quan, PVI đã xây dựng và ban hành Quy trình lập báo cáo và theo dõi các giao dịch của người có liên quan.

a. Việc xây dựng Quy định/Quy trình:

TGD PVI đã ban hành Quy trình lập báo cáo các lợi ích liên quan (QT.01.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 15/09/2021 và thông báo yêu cầu áp dụng quy trình. Việc kê khai lợi ích liên quan lần đầu đã được thực hiện đầy đủ và các cá nhân có trách nhiệm cập nhật khi có thay đổi.

TGD PVI đã ban hành Quy trình (QT.02.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 01/10/2021 về giao kết và quản lý hợp đồng trong đó đảm bảo việc giao dịch với các bên liên quan được phê duyệt đầy đủ bởi cấp có thẩm quyền.

Trong năm 2023, TGD PVI đã ban hành Quy chế phản ứng gian lận nội bộ áp dụng từ ngày 08/06/2023 và Quy định quản lý giao dịch nội gián và báo cáo lợi ích liên quan áp dụng từ ngày 19/10/2023 nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị, giám sát.

Trong năm 2023, Dự án Tuân thủ và Quản trị rủi ro (ERM) hoàn thiện là nền tảng để Ban Điều hành và HĐQT cùng BKS tiếp tục nâng cao công tác quản trị, giám sát của cá nhân/ đơn vị trong hệ thống.

b. Việc theo dõi thực hiện:

Việc theo dõi những cập nhật kê khai lợi ích liên quan do Ban Pháp chế Tuân thủ và Quản trị rủi ro trực tiếp thực hiện, hàng quý đều có báo cáo BKS tình hình thực hiện trong quý.

c. Đánh giá của BKS:

PVI và các cá nhân liên quan cơ bản đã tuân thủ việc công bố thông tin về việc giao dịch và kết quả giao dịch. PVI đã xây dựng, sửa đổi và bổ sung thêm các Quy định/ Quy trình để phù hợp với hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp. Các báo cáo giám sát, quản trị rủi ro được thực hiện đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ Ban Kiểm soát nâng cao hơn vai trò giám sát.

2. Chi tiết giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của PVI:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2023		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2024		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	HDI Global SE		91.105.809	38,89%	99.275.138	42,38%	Đầu tư

3. Chi tiết giao dịch đối với các bên có liên quan

Giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI đối với các bên liên quan trong năm 2024 chi tiết như sau:

➤ Đối với Công ty mẹ PVI Holdings:

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan:

	Đơn vị tính: VNĐ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	107.286.673.344
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội	5.108.930.625
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	2.410.737.969

➤ Đối với hệ thống PVI bao gồm Công ty mẹ và các công ty con:

- Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: 1.759.955.168.167 VNĐ.

- Các giao dịch khác với các bên liên quan: 433.920.008.941 VNĐ.

(Chi tiết về các giao dịch đã được trình bày tại Báo cáo tài chính kiểm toán số 0468/VN1A-HN-BC ngày 20/02/2025 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam).

Ngoài ra, trong năm 2024 không phát sinh giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Điều hành khác của doanh nghiệp và các cá nhân là người có liên quan của những đối tượng đó.

PHẦN B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

BKS PVI hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVI. BKS tổ chức họp định kỳ hàng quý giữa các thành viên với nội dung: (i) Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước; (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI; và (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban kiểm toán nội bộ, xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

➤ Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2024 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD. Tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con.
- Giám sát và đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quý và năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính quý và năm; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính quý và năm...
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan
- Giám sát thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của Đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng của nhà nước, đơn vị chức năng có thẩm quyền.

Ban kiểm soát gồm có 04 kiểm soát viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2024. Cụ thể như sau:

- Trưởng ban kiểm soát – Bà Hà Lan: Chủ trì và ký các báo cáo trình ĐHĐCĐ; Chủ trì các cuộc họp BKS và ký các văn bản kiến nghị với HĐQT, Ban TGD và các bộ phận liên quan; Phê duyệt kế hoạch và chương trình họp, chương trình kiểm tra giám sát năm và quý và trực tiếp phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện kiểm tra giám sát; Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế và quy định nội bộ. Kiểm tra, đánh giá các báo cáo và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện của PVI làm công tác kiểm tra giám sát tại công ty con. Phối hợp với thành viên khác thực hiện phân tích và thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Giám sát việc xây dựng và triển khai các dự án về Quản trị rủi ro; Kế toán; Rà soát các hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc quyền phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên và tổng hợp các ý kiến thảo luận trong BKS; Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Họp giao ban và họp chuyên đề; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Lê Tài Đức: Tổng hợp báo cáo từ người đại diện tại các công ty con định kỳ hoặc đột xuất theo chương trình của BKS; Báo cáo đánh giá về hoạt động đầu tư và công tác tuân thủ; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Trần Trọng Bình: Rà soát quy chế quy định nội bộ và các nghị quyết HĐQT; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm- Ông Daryl John Vella: Rà soát Báo cáo tài chính; Phân tích các chỉ tiêu tài chính và đánh giá việc ghi chép sổ sách kế toán; Đánh giá công tác kiểm toán nội bộ, tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

BKS đã tổ chức 4 phiên họp vào ngày 15/03/2024, 28/05/2024, 29/08/2024, 15/11/2024, đồng thời tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo tài chính và các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con trong suốt quá trình hoạt động, kinh doanh, theo dõi sát báo cáo của các công ty con tại các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng/ hàng quý và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của BKS sau mỗi kỳ họp BKS và ý kiến tại các cuộc họp chuyên đề. Việc thực hiện được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết HĐQT, Kết luận các cuộc họp Ủy ban, Chỉ thị của TGD và văn bản báo cáo của người đại diện tại các công ty con.

Chi tiết các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Hà Lan	4/4	100%	100%
2	Ông Trần Trọng Bình	4/4	100%	100%
3	Ông Daryl John Vella	4/4	100%	100%
4	Ông Lê Tài Đức	4/4	100%	100%

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đã tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

➤ **Thù lao và chi phí hoạt động của BKS:**

Trong năm 2024 PVI đã chi trả thù lao cho 4 thành viên BKS trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 3 thành viên kiêm nhiệm, bao gồm 12 tháng lương + 03 tháng lương bổ sung theo Quy chế trả lương (không bao gồm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2024), tổng cộng là: 2.765.000.000 đồng. Chi tiết tiền lương và thù lao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	2.405

2	Ông Lê Tài Đức	TV BKS kiêm nhiệm	120
3	Ông Daryl John Vella	TV BKS kiêm nhiệm	120
4	Ông Trần Trọng Bình	TV BKS kiêm nhiệm	120

- + Ngoài ra, trong năm 2024, thành viên BKS được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2024 (đã hạch toán chi phí trong năm 2024) là 1.604.800.000 đồng.
- + Thành viên BKS chuyên trách được tham gia chương trình bảo hiểm phúc lợi theo các mức đối với từng chức danh, nguồn chi từ chi phí của PVI với thời hạn chương trình 10 năm.
- + Các chi phí hoạt động của BKS trong năm được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của PVI

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Thường xuyên
2	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
3	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt.	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Lập báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.	Tháng 2/2025
2	Phối hợp làm việc với Chủ nhiệm UBKT & QTRR PVI, Kế toán trưởng PVI hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật để lựa chọn Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính 2025 của PVI, trình Đại hội cổ đông thường niên 2025 phê duyệt.	Tháng 1/2025
3	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý I

4	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Quý II và Quý 4
5	Tổ chức họp Ban Kiểm soát PVI.	Hàng quý/ Bất thường
6	Rà soát, đánh giá về giao dịch có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Q3/2025 & Q1/2026
7	Giám sát việc triển khai xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro của PVI Holdings và các công ty con.	Hàng Quý
8	Kiểm tra/giám sát hoạt động của PVI tại các Công ty con và việc bảo toàn vốn của PVI tại các Công ty này.	Hàng Quý
9	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó:	Hàng Quý
	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024;	Tháng 2
	Thực hiện Thẩm định Báo cáo tài chính Quý; bán niên năm 2025.	Tháng 4, 7, 10
10	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Hàng Quý
11	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị;	Khi có yêu cầu
12	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng Quý
13	Lập báo cáo giám sát hàng quý và các báo cáo khác theo yêu cầu của cổ đông lớn và cơ quan quản lý nhà nước	Tháng 1, 4,7,10/theo yêu cầu
14	Giám sát việc xây dựng, giao KH SXKD năm 2026, việc thực hiện chiến lược phát triển của PVI.	Quý IV
15	Làm việc với tư vấn độc lập khi phát sinh nhu cầu sử dụng tư vấn bên ngoài của BKS PVI.	Khi có yêu cầu

16	Rà soát tính hợp lý, hợp lệ của các hợp đồng, dịch vụ thuê ngoài.	Khi có yêu cầu
17	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.	Theo Kế hoạch kiểm kê

Nhân sự thực hiện các nội dung công việc nêu trên theo phân công của Trưởng ban kiểm soát.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hà Lan